TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-ST
Ngày: 25 - 7 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lò Văn Hiến

Ông Tòng Văn Q

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Giang - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Vàng A Vừ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn D**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30/6/1995 tại huyện Đ, tỉnh B;

Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Đ, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ văn hóa (học vấn): Không; dân tộc: Xinh Mun; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn S (đã chết) và bà: Lò Thị L (Lường Thị Lún) – sinh năm 1956; Từ năm 2014 đến 2015 sống chung như vợ chồng với Lò Thị H - sinh năm 1997, bị cáo chưa có con; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 01/4/2019 sau đó bị tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Bị hại*: Anh Lường Văn Q– sinh năm 1982. Nghề nghiệp: Thợ sửa chữa xe máy. Nơi cư trú: Bản H, xã C, huyện Đ, tỉnh B (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: (Vắng mặt)

+ Chị Lường Thị O – sinh năm 1989. Nghề nghiệp: Làm ruộng. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh B.

+ Anh Quàng Văn D – sinh năm 1989. Nghề nghiệp: Sửa xe máy. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh B.

+ Anh Lò Văn Đ – sinh năm 1992. Nghề nghiệp: Nhân viên bán xăng. Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh B.

+ Chị Phạm Thị M– sinh năm 1986. Nghề nghiệp: Kinh doanh ăn uống. Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh B.

+ Anh Lường Văn H – sinh năm 1971. Nghề nghiệp: Bán hàng tạp hóa. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh B.

+ Chị Lò Thị T – sinh năm 1998. Nghề nghiệp: Kinh doanh quần áo. Nơi cư trú: Bản M, xã M, huyện Đ, tỉnh B.

+ Ông Lường Văn P – sinh năm 1960. Nghề nghiệp: Bán hàng tạp hóa. Nơi cư trú: Bản C, xã C, huyện Đ, tỉnh B.

+ Anh Trần Văn H – sinh năm 1980. Nghề nghiệp: Bán lô tô, xổ số. Nơi cư trú: Bản K, xã C, huyện Đ, tỉnh B.

+ Chị Lò Thị Ph – sinh năm 1979. Nghề nghiệp: Làm nương. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh B.

+ Cháu Vì Văn P – sinh năm 2003. Nghề nghiệp: Học sinh. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh B.

Người đại diện hợp pháp của Vì Văn P: Chị Lò Thị P – sinh năm 1979 (là mẹ đẻ của cháu P). Nghề nghiệp: Làm nương. Nơi cư trú: Bản P, xã C, huyện Đ, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 28/3/2019, Lò Văn D đi bộ từ nhà tại bản Bản H, xã C, huyện Đ, tỉnh B đến nhà Lường Văn Q ở cùng bản, mục đích đến chơi với Lường Văn C (em trai của Q). Khi đến nhà Q, D hỏi C đi đâu, Q trả lời C không có nhà. Nghe vậy D đi vào ngồi ở dưới đệm nhỏ cạnh cột nhà xem tivi nhà Q, trong lúc dịch chuyển kênh ti vi D nhìn thấy trên nắp loa đài cạnh ti vi có 01 chiếc ví và 01 chiếc điện thoại di động của Q. Lợi dụng lúc Q đi tắm, D đã lấy trộm chiếc ví bỏ vào ống quần bên phải đang mặc, kéo gấu quần lên cho khỏi rơi rồi đi về. Khi đi đến nhà ông Lò Văn D (cách nhà Q khoảng 40m) D đi vào trong gầm sàn nhà ông D lấy ví tiền ra đếm được tổng cộng 5.700.000 đồng, do nhìn thấy có ánh đèn pin soi đến nên D đã rút một phần số tiền trong ví bỏ vào túi quần đang mặc, số còn lại và chiếc ví D giấu trên thanh sàn gỗ dưới gầm nhà ông D, mục đích ngày hôm sau mới quay lại lấy tiếp. Khi về đến nhà D lấy tiền ra đếm được 1.900.000 đồng. Khoảng 7 giờ ngày 29/3/2019 D ngủ dậy đi đến gầm sàn nhà ông D lấy chiếc ví và số tiền còn lại nhưng không thấy. Số tiền trộm cắp được bị cáo đã chi tiêu cá nhân chỉ còn lại 25.000 đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ số tiền 25.000 đồng. Đối với chiếc ví giả da màu đen, Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu hồi được.

Bản cáo trạng số 28/CT-VKS-ĐBĐ ngày 13/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông đã truy tố bị cáo Lò Văn D về tội: Trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông giữ quyền công tố giữ quan điểm truy tố bị cáo Lò Văn D về tội Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS.

Xử phạt bị cáo Lò Văn D từ 6 đến 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo;

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Lường Văn Q số tiền 5.675.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc đèn pin sạc điện màu nâu có quai đeo màu xanh vàng – xám cũ, đã qua sử dụng. Một quần vải nam kẻ ca rô màu xanh đen cũ, đã qua sử dụng. Một áo sơ mi dài tay màu trắng có kẻ dọc đen, một quần vải màu tím than, quần áo cũ đã qua sử dụng. Tịch thu tiêu hủy: 0,026 gam chất bột màu trắng và vỏ bao gói thu giữ của Lò Văn D hoàn lại sau giám định. Trả lại cho anh Lường Văn Q số tiền 25.000 đồng là tiền bị cáo chiếm đoạt.

Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí tòa án, miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về phần tội danh và điều luật áp dụng, bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông. Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, Biên bản thực nghiệm điều tra, Biên bản khám nghiệm hiện trường...Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 20 giờ ngày 28/3/2019 tại khu vực Bản H, xã C, huyện Đ, tỉnh B, Lò Văn D đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt số tiền 5.700.000 đồng của anh Lường Văn Q. Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của cá nhân được nhà nước bảo hộ, gây mất trật tự xã hội. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý.

[2]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có tiền án, tiền sự. Hình phạt mà Đại diện viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo để trở thành công dân tốt, có ý thức tuân thủ pháp luật.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 5 triệu đến 50 triệu đồng. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo là người nghiện ma túy, thu nhập chính từ làm nương nhưng không đáng kể, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không có khả năng thi hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: Một chiếc đèn pin sạc điện màu nâu có quai đeo màu xanh vàng – xám cũ, đã qua sử dụng. Một quần vải nam kẻ ca rô màu xanh đen cũ, đã qua sử dụng. Một áo sơ mi dài tay màu trắng có kẻ dọc đen. Một quần vải màu tím than, quần áo cũ đã qua sử dụng là công cụ phạm tội, tài sản do phạm tội mà có.

Tịch thu và tiêu hủy: 0,026 gam chất bột màu trắng và vỏ bao gói thu giữ của Lò Văn D do Viện khoa học hình sự Bộ Công an hoàn lại sau giám định là vật không có giá trị, không sử dụng được.

Trả lại cho anh Lường Văn Q 25.000 đồng là tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong hồ sơ thể hiện người bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 5.700.000 đồng. Yêu cầu này là hợp pháp nên căn cứ Điều 48/BLHS, HĐXX chấp nhận. Buộc bị cáo phải trả cho anh Lường Văn Q số tiền bị cáo đã chiếm đoạt.

[6]. Các vấn đề khác:

Đối với chị Lường Thị O người đã được bị cáo trả số tiền 430.000 đồng là tiền chị On trả hộ bị cáo tiền vé xe khách. Do chị O không biết nguồn gốc số tiền bị cáo trả có được từ hành vi trộm cắp tài sản, sau đó chị O đã đem số tiền trên đi chuộc chiếc điện thoại mà nhà xe đang giữ về để tiếp tục sử dụng. Cơ quan điều tra không thu hồi được số tiền này nên không đặt vấn đề xử lý đối với chị O.

Đối với cháu Vì Văn P là người đã được bị cáo đưa đi ăn sáng và mua thức ăn, kẹo, kem đưa cho mang về nhà. Quá trình điều tra xác định cháu Ph không biết

nguồn gốc số tiền bị cáo có được từ hành vi trộm cắp tài sản nên không đặt vấn đề xử lý đối với cháu P.

Đối với chị Lò Thị P chị gái của bị cáo là người đã cho bị cáo ở lại chơi từ ngày 29/3/2019 đến ngày 01/4/2019 tại nhà ở bản P, xã C, huyện Đ tuy nhiên chị Phanh không biết hành vi phạm tội của bị cáo nên không đặt vấn đề xử lý đối với chị Lò Thị P.

Đối với những người bị cáo khai đã mua bán hàng hóa bằng số tiền bị cáo đã trộm cắp: Anh Lò Văn Đ - Nhân viên cây xăng M là người bị cáo khai đã bán cho bị cáo 50.000đ tiền xăng vào sáng ngày 29/3/2019; Chị Phạm Thị M - chủ quán phở Miền Nam là người mà bị cáo và P vào ăn sáng hết 60.000 đồng vào sáng ngày 29/3/2019; Anh Lường Văn H - Chủ quán bán hàng tạp hóa tại bản P, xã C, huyện Đ là người mà bị cáo khai đi cùng với P gặp tại quán sau đó mua thức ăn, bánh kẹo, kem hết 100.000 đồng vào sáng ngày 29/3/2019; Chị Lò Thị T - Chủ quán bán hàng quần áo tại chợ Trung tâm M là người mà bị cáo khai đã bán cho bị cáo 01 bộ quần áo nam hết 350.000 đồng vào sáng ngày 29/3/2019; ông Lường Văn P- Chủ quán bán hàng tạp hóa tại bản C, xã C, huyện Đ là người bị cáo khai đã bán cho bị cáo 25.000 đồng tiền xăng vào ngày 29/3/2019; Anh Quàng Văn D - Chủ quán sửa chữa xe máy tại bản P, xã C, huyện Đ là người mà bị cáo khai đã sửa xe hết 80.000 đồng vào ngày 29/3/2019; Anh Trần Văn H- Làm nghề ghi tô lô, xổ số là người mà bị cáo khai đã mua vé lô tô vào hai ngày 29/3/2019 và 30/3/2019 với tổng số tiền 100.000 đồng. Quá trình điều tra xác định những người này không quen biết bị cáo và không biết việc có được bán hàng cho bị cáo hay không nên không đặt vấn đề xử lý.

Đối với chiếc xe máy của chị Lò Thị P mà ngày 29/3/2019 bị cáo mượn của cháu P khi chị P vắng nhà sau đó bị cáo sử dụng chiếc xe máy để làm phương tiện đi tiêu thụ số tiền đã trộm cắp. Do chị P và cháu P không biết hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, cơ quan điều tra không thu giữ nên Hội đồng xét xử không xử lý đối với chiếc xe này.

Đối với người đàn ông dân tộc Mông tên D bị cáo gặp và nhờ mua Heroine 2 lần, hết 525.000 đồng tại bản P, xã P, huyện Đ. Quá trình điều tra không làm rõ được nên không xem xét xử lý.

[7]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên Công an huyện Điện Biên Đông, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo, người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[8]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 136/BLTTHS và điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự, nhưng do bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó

khăn nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lò Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (01/4/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp, vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc đèn pin sạc điện màu nâu có quai đeo màu xanh vàng – xám cũ, đã qua sử dụng. 01 (một) quần vải nam kẻ ca rô màu xanh đen cũ, đã qua sử dụng. 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng có kẻ dọc đen. 01 (một) quần vải màu tím than, quần áo cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu và tiêu hủy: 0,026 gam chất bột màu trắng và vỏ bao gói thu giữ của Lò Văn D do Viện khoa học hình sự Bộ Công an hoàn lại sau giám định (đã niêm phong trong phong bì niêm phong số 2208/C09(TT2).

Trả lại cho anh Lường Văn Q số tiền 25.000 VNĐ (hai mươi lăm nghìn đồng, đã niêm phong).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/6/2019 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên Đông).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Lò Văn D phải trả cho anh Lường Văn Q số tiền 5.675.000 VNĐ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh Q nếu bị cáo không trả cho anh Q số tiền trên thì bị cáo còn phải trả cho anh Q khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2019). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày

nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL và NV liên quan;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an huyện ĐBĐ;
- Cơ quan THAHS huyện ĐBĐ;
- Nhà tạm giữ CA huyện ĐBĐ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện ĐBĐ ;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Huệ

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL và NV liên quan;
- VKSND huyện ĐBĐ;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an huyện ĐBĐ;
- Cơ quan THAHS huyện ĐBĐ;
- Nhà tạm giữ CA huyện ĐBĐ;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Điện Biên;
- Chi cục THADS huyện ĐBĐ ;
- TAND tỉnh ĐB;
- HS THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Huệ

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2019/HSST

Điện Biên Đông, ngày tháng 7 năm 2019

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: /HSST ngày tháng 7 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông đối với bị cáo:

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
ĐÃ QUYẾT ĐỊNH:

THẨM PHÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Điện Biên Đông, ngày 25 tháng 7 năm 2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ SƠ THẨM

Kính gửi: **UBND xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.**

Ngày 25 tháng 7 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 28/2019/TLST - HS, ngày 14 tháng 6 năm 2019 đối với các bị cáo:

Họ và tên: Lò Văn D; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 30/6/1995 tại huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên;

Nơi cư trú: Bản Huổi Hu B, xã Chiềng Sơ, huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm nương; con ông Lò Văn So (đã chết) và bà: Lò Thị Lún (Lường Thị Lún) – sinh năm 1956; Từ năm 2014 đến 2015 sống chung như vợ chồng với Lò Thị Hom - sinh năm 1997, bị cáo chưa có con; tiền án: Không, tiền sự: Không;

Bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông truy tố về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại bản án số 22/HSST ngày 25/7/2019 Hội đồng xét xử sơ thẩm đã quyết định:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lò Văn D 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (01/4/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về biện pháp tư pháp, vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) chiếc đèn pin sạc điện màu nâu có quai đeo màu xanh vàng – xám cũ, đã qua sử dụng. 01 (một) quần vải nam kẻ ca rô màu xanh đen cũ, đã qua sử dụng. 01 (một) áo sơ mi dài tay màu trắng có kẻ dọc đen. 01 (một) quần vải màu tím than, quần áo cũ đã qua sử dụng.

Tịch thu và tiêu hủy: 0,026 gam chất bột màu trắng và vỏ bao gói thu giữ của Lò Văn D do Viện khoa học hình sự Bộ Công an hoàn lại sau giám định (đã niêm phong trong phong bì niêm phong số 2208/C09(TT2).

Trả lại cho anh Lường Văn Q số tiền 25.000 VNĐ (hai mươi lăm nghìn đồng, đã niêm phong).

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/6/2019 giữa Công an và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Điện Biên Đông).

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Lò Văn D phải trả cho anh Lường Văn Q số tiền 5.675.000 VNĐ (Năm triệu sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của anh Q nếu bị cáo không trả cho anh Q số tiền trên thì bị cáo còn phải trả cho anh Q khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hình sự cho bị cáo.

5. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (25/7/2019). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án về những vấn đề liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

"Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Căn cứ vào Điều 262 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên thông báo cho chính quyền xã nơi bị cáo cư trú được biết.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu HSVA;

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Huệ